

**BÀI: ADVERBS OF FREQUENCY – 2E. GRAMMAR****UNIT 2: EVERY DAY****MÔN: TIẾNG ANH – RIGHT ON! - LỚP 6****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Trả lời câu hỏi phần Adverbs of frequency – 2e. Grammar trang 44 Tiếng Anh 6 Right on!****Adverbs of frequency***(Trạng từ chỉ tần suất)*

I always have breakfast in the morning.

*(Tôi luôn ăn sáng vào buổi sáng.)***1. Read the theory box. Then write the correct adverb of frequency.***(Đọc khung lý thuyết. Sau đó viết trạng từ chỉ tần suất đúng.)*

- John \_\_\_\_\_ (100%) walks to school.
- Helen \_\_\_\_\_ (25%) watches TV in the evening.
- They \_\_\_\_\_ (50%) do their homework after lunch.
- He is \_\_\_\_\_ (0%) late for school.
- My dad \_\_\_\_\_ (75%) has lunch at work.

**Phương pháp:**

- always (100%): luôn luôn
- usually (75%): thường xuyên
- often (50%): thường thường
- sometimes (25%): thỉnh thoảng
- never (0%): không bao giờ

**Lời giải chi tiết:**

1. always	2. sometimes	3. often	4. never	5. usually
-----------	--------------	----------	----------	------------

1. John **always** walks to school.

(John luôn đi bộ đến trường.)

2. Helen **sometimes** watches TV in the evening.

(Helen thỉnh thoảng xem TV vào buổi tối.)

3. They **often** do their homework after lunch.

(Họ thường thì làm bài tập về nhà sau bữa trưa.)

4. He is **never** late for school.

(Anh ấy không bao giờ đi học muộn.)

5. My dad **usually** has lunch at work.

(Bố tôi thường ăn trưa tại nơi làm việc.)

**2. Put the words in the correct order.**

(Đặt các từ theo trật tự đúng.)

1. always/early/is/ for work/ He

2. She/late/ sometimes/ is

3. shower/ He / in the evening/ usually / takes/ a

4. on Sundays/ They/go/ often/to the park

**Lời giải chi tiết:**

1. He is always early for work.

(Anh ấy luôn đi làm sớm.)

2. She is sometimes late.

(Cô ấy thỉnh thoảng đến muộn.)

3. He usually takes a shower in the evening.

(Anh ấy thường tắm vào buổi tối.)

4. They often go to the park on Sundays.

(Họ thường đến công viên vào Chủ nhật.)

**3. Put a tick (✓) in the correct box. Then tell your partner.**

(Đánh dấu vào ô đúng. Sau đó nói với bạn của em.)

	always	usually	often	sometimes	never
7:00 a.m. get up		✓			
8:00 a.m. leave for school					✓
1:30 p.m. have lunch					✓
5:00 p.m. do homework				✓	
7:00 p.m. have dinner	✓				
9:30 p.m. go to bed			✓		

I usually get up at 7:00 a.m.

(Tôi thường thức dậy lúc 7 giờ sáng.)

#### Lời giải chi tiết:

- I never leave for school at 8 a.m.

(Tôi không bao giờ đi học lúc 8 giờ sáng.)

- I never have lunch at 1:30 p.m.

(Tôi không bao giờ ăn trưa lúc 1:30 chiều.)

- I sometimes do my homework at 5 p.m.

(Đôi khi tôi làm bài tập về nhà lúc 5 giờ chiều.)

- I always have dinner at 7 p.m.

(Tôi luôn ăn tối lúc 7 giờ tối.)

- I often go to bed at 9:30 p.m.

(Tôi thường đi ngủ lúc 9:30 tối.)

#### 4. Think. Imagine your friend is a famous person. What is his/ her daily routine like?

(Suy nghĩ. Tưởng tượng bạn của em là một người nổi tiếng. Hoạt động thường nhật của bạn ấy như thế nào?)

Steve is a famous actor. He never gets up early. He always has a big breakfast.

(Steve là một nam diễn viên nổi tiếng. Bạn ấy chưa bao giờ dậy sớm. Bạn ấy luôn ăn sáng rất thịnh soạn.)

#### Lời giải chi tiết:

Messi is a famous football player. He always gets up very early to do morning exercise and go to the football practice with his team. He never skips breakfast. He usually has lunch and dinner on time. He often goes out with his team at the weekend. He sometimes goes to bed late to watch football matches on TV.

#### Tạm dịch:

*Messi là một cầu thủ bóng đá nổi tiếng. Anh ấy luôn dậy rất sớm để tập thể dục buổi sáng và đến sân tập bóng cùng đội của mình. Anh ấy không bao giờ bỏ bữa sáng. Anh ấy thường ăn trưa và ăn tối đúng giờ. Anh ấy thường đi chơi với đội của mình vào cuối tuần. Anh ấy thỉnh thoảng đi ngủ muộn để xem các trận bóng đá trên TV.*

**Loigiaihay.com**